

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 30-12-2024

V/v: “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lộc Văn T – sinh năm 1976; Nơi cư trú: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt)

- *Bị đơn:* Đinh Thị T1 – sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đinh Thị T2; Có mặt

Nơi cư trú: Xóm Bó Dương, xã Vân Trình, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

2. Bà Dương Thị N; Có mặt

Nơi cư trú: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Diệp H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C; Có

mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T3 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C; Có mặt
- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lộc Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đinh Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lộc Văn T trình bày: anh T và chị T1 chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống anh T và chị T1 chung sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sút mẻ tình cảm không thể sống chung với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T1 xác nhận về điều kiện và thời gian kết hôn anh T trình bày là đúng. Chị T1 xác nhận hai anh chị chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Chị T1 xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, anh T và chị T1 cùng xác nhận có 02 (hai) con chung, con tên là Lộc Thị Hồng N1 – sinh ngày 02/12/2000 (giới tính: Nữ) và Lộc Thị Thùy L – sinh ngày 01/02/2007 (giới tính: Nữ). Cháu Lộc Thị Hồng N1 đã thành niên, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét. Đối với cháu Lộc Thị Thùy L, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi các con thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Chị T1 yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc Thị Thùy L đến khi thành niên, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là 2.000.000đ/tháng.

3. Về tài sản chung:

* Anh T yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- 01 Xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 11B1-01.145. Xe mua năm 2015, giá khi mua là 22.000.000đ, giá trị hiện còn lại là 6.000.000đ. Hiện nay chiếc xe này anh T đang sử dụng.

- 01 máy cày lúc mua trị giá 13.500.000đ, mua năm 2003. Giá trị hiện tại còn khoảng 4.000.000đ.

* Theo đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 27/7/2022, chị T1 yêu cầu chia tài sản gồm:

- Về nhà: 01 căn nhà cấp bốn được xây trên thửa đất số 88 tờ bản đồ số 87 tại B, V, T, Cao Bằng, diện tích 80m². Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 317233 ngày 23/9/2009 cho hộ ông Lộc Văn T, bà Đinh Thị T1. Ngôi nhà là nhà tình nghĩa, nhà nước hỗ trợ một nửa, phần còn lại do chị

T1 và anh T đóng góp. Giá trị còn lại của ngôi nhà khoảng 50.000.000đ. Đối với ngôi nhà chị T1 đề nghị được chia 03 phần, chia mỗi người một gian.

- 04 con trâu, ước tính giá trị 50.000.000đ. Chị T1 yêu cầu được lấy 03 mẹ con trâu bé, anh T lấy con trâu đực to.

- 02 xe máy, 01 xe là xe Wave biển kiểm soát 11B1-01.145. Xe này chị T1 đề nghị được chia cho chị. Xe còn lại là xe máy Angle Biển kiểm soát 11F8-3379 giá trị còn lại 2.000.000đ đề nghị chia cho anh T.

- 01 máy cày mua năm 2003, giá trị còn lại 5.000.000đ, đề nghị chia cho chị T1. 01 máy phay mua năm 2020 giá trị còn là 5.000.000đ, đề nghị chia cho anh T.

- Về đất: Tổng diện tích là 17.039m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị T1 và anh T, chị T1 đề nghị chia 03 phần cho chị T1, anh T và bà T2.

STT	SỐ THỬA	TBD	DIỆN TÍCH	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	ĐỊA CHỈ THỬA ĐẤT	NGƯỜI ĐƯỢC CHIA
1	89	78	695	LUA	Co Sản	Tuyển
2	74	77	578	LUA	Nà Ít	Thu
3	85	79	733	HNK	Lặm Pò	Thu
4	75	77	597	LUA	Nà Ít	Tuyển
5	65	68	1339	HNK	Cốc Lót	Thâm
6	72	68	2347	Rẫy	Đon Khoang	Thu
7	78	68	2934	Rẫy	Thôn Chiêu hai	Tuyển
8	97	78	84	Ruộng	Cốc Măn	Tuyển
9	58	87	988	Vườn	Co Lùng	Thâm
10	88	87	371	Đất ở	Co Lùng	Thâm
11	83	88	244	Vườn	Bản Tầu	Tuyển
12	107	88	1430	Ruộng	Bó Áng	Tuyển, Thu (chia đôi)
13	105	88	351	Ruộng	Bó Áng	Thu
14	56	70	429	Rẫy	Co Cườm	Tuyển
15	46	70	2070	Rẫy	Co Cườm	Thu
16	678	61	1723	Rẫy	Lũng Luộc	Tuyển
17	120	87	126	Ruộng	Thôn Nôm	Tuyển

- 01 Sổ tiết kiệm đứng tên anh Lộc Văn T tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện T, chị T1 yêu cầu chia đôi.

* Sau khi Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ:

- Sổ tiết kiệm đứng tên anh Lộc Văn T tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện T: Ngày 14/9/2020 anh T mở tài khoản tiền gửi tiết kiệm số 8310604136822, kỳ hạn gửi 12 tháng, số tiền gửi 98.000.000đ. Ngày 28/3/2022, anh T đã tắt toán tài khoản tiền gửi tiết kiệm trên. Ngoài khoản tiền gửi nêu trên từ năm 2017, anh T không

gửi khoản tiền nào khác tại A chi nhánh T, Cao Bằng. Chị rút yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền này.

- 01 Xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 11B1-01.145: hiện nay cháu Lộc Thị Hồng N1 đang sử dụng.

- 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA - Angle Biển kiểm soát 11F8-3379: Chị T1 rút yêu cầu.

- 01 máy cày hai bên cùng thống nhất là tài sản chung, giá trị còn lại là 4.000.000đ.

- 01 máy phay mua năm 2020, giá trị còn lại là 4.000.000đ, chị T1 cho rằng là tài sản chung và yêu cầu chia cho chị bằng hiện vật, anh T không đồng ý chia vì cho rằng là tài sản của riêng anh.

- 04 con trâu: Hiện còn 03 con, 01 trâu mẹ, 01 trâu con 02 tuổi và 01 trâu con 01 tuổi.

- Về nhà: Các bên cùng xác nhận ngôi nhà được xây năm 2008, một phần tiền từ hỗ trợ xây nhà tình nghĩa (bà T2 là mẹ Liệt sĩ), một phần do gia đình đóng góp. Chị T1 yêu cầu chia 03 phần, anh T không đồng ý chia vì cho rằng chị T1 không có công sức đóng góp.

Ngôi nhà chính gồm 03 gian, kích thước 8,13mx9,34m diện tích 75,9m². Có 01 cửa đi ở gian giữa. Nhà xây gạch ba banh, móng đá hộc, lán vừa xi măng, cửa gỗ, trần dãi gỗ, có điện chiếu sáng, mái lợp ngói âm dương, ngói máng.

Nhà bếp: xây tường gạch xi măng, nền lán vừa xi măng, mái lợp ngói. Kích thước: 5,54mx6,9m, diện tích 38,2m².

- Về đất:

TT	SỐ THỬA	TBĐ	DIỆN TÍCH	GIẤY CNQSDĐ (Số GCN, ngày cấp, Người sử dụng)	
1	678	61	1723	Không có	Rút
2	65	68	1339	AP 317234 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	
3	72 (90)		4694 (2347)	AP 317137 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu (sử dụng chung). Tách thành thửa 90, 91: 2347m ² . Đăng ký biến động ngày 13/11/2019; GCN mới CQ 177260	
4	78 (92)		5869 (2935)	Tách thành thửa 92, 93: 2935m ² . GCN mới CQ 667469 cấp ngày 03/10/2018 cho hộ ông Lộc Văn Tuyền, bà Đinh Thị Thu đối với thửa 92.	
5	56	70	429	BQ 081128, ngày 23/9/2009 hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	
6	46		2070	Không có	Rút
7	74	77	578	AP 317234 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu.	

8	75		597	AP 317234 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu. Qua thẩm định: vị trí thửa đất không trùng với Bản đồ địa chính và Giấy chứng nhận. Từ vị trí thực tế xác định được là thửa 81. Trên thực tế đã dồn thửa với thửa 74.	Rút
9	89	78	695	AP 317234 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	
10	97		167	AP 317137 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu (sử dụng chung). Thuộc quyền sử dụng của hộ ông Tuyền bà Thu, đăng ký biến động ngày 13/11/2019. GCN mới CQ 177260 cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lộc Văn Tuyền, bà Đinh Thị Thu.	
11	85	79	733	AP 317234 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	
12	58	87	364	AP 317232 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	
13	88		371	AP 317233 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	
14	120		126	AP 317232 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	
15	83	88	244	CQ 177259 ngày 17/12/2019, hộ ông Lộc Văn Đoàn – Dương Thị Nghi	Rút
16	107		1430	AP 317232 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu Qua thẩm định: vị trí thửa đất không trùng với Bản đồ địa chính và Giấy chứng nhận. Từ vị trí thực tế xác định được thửa đất là thửa 100.	Rút
17	105		351	AP 317232 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	
18	74	87	127	AP 317232 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	Bổ sung

Do các đương sự không thống nhất về giá trị tài sản nên chị T1 yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản. Kết quả định giá:

(1) Về đất:

STT	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích	Đơn giá	Giá trị
1	65	68	1339	55.000	73.645.000

2	90		2347	55.000	129.085.000
3	92		2935	55.000	161.425.000
4	56	70	429	55.000	23.595.000
5	74	77	578	60.000	34.680.000
6	89		695	60.000	41.700.000
7	97	78	167	60.000	10.020.000
8	85	79	733	38.000	27.854.000
9	58		364	60.000	21.840.000
10	88		371	221.100	82.028.100
11	120		126	60.000	7.560.000
12	74	87	127	55.000	6.985.000
13	105	88	351	42.000	14.742.000
Tổng					635.159.100

(2) Tài sản khác:

Tài sản	Diện tích (m ²)	Giá trị sử dụng còn lại	Giá trị tài sản
Nhà	75,9	20%	47.756.280
Bếp	38,2	20%	21.923.400
Chuồng lợn	44,9	20%	4.175.700
Chuồng trâu	29,3	20%	2.724.900
Máy cày			4.000.000
Máy phay			4.000.000
Trâu mẹ			12.000.000
Trâu 2 tuổi			5.000.000
Trâu 1 tuổi			3.000.000
Tổng			104.580.280
Tổng (1) và (2)			739.739.380

(3) Tài sản thông nhất được giá trị, không định giá: Xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 11B1-01.145 trị giá 6.000.000đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị T2 trình bày: Bà Đinh Thị T2 là mẹ đẻ anh Lộc Văn T, trong thời gian chung sống chị T1 chăm sóc bà T2 rất chu đáo, chị T1 quán xuyến việc gia đình, chăm sóc con cái. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T chị T1 là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Đất đai của tổ tiên để lại đã chia cho các con là Lộc Văn Đ và Lộc Văn T, hiện nay đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh T chị T1 nên là tài sản chung. Trường hợp anh T chị T1 ly hôn cần phải chia cho chị T1 để nuôi con và phụng dưỡng bà T2. Phần của bà T2 cũng giao cho chị T1 sử dụng canh tác để chị T1 phụng dưỡng bà. Ngôi nhà được xây năm 2008 là nhà tình nghĩa được nhà nước

hỗ trợ 40.000.000đ còn lại là gia đình bỏ tiền ra. Ngôi nhà chia cho chị T1 và hai con, bà T2 sẽ sống cùng chị T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N trình bày: Thừa số 72 tờ bản đồ 68, diện tích 4694m² đã thực hiện xong thủ tục tách thửa. Thừa số 90 diện tích 2347 m² do anh T chị T1 sử dụng, thửa 91 diện tích 2347 m² do ông Đ bà N sử dụng. Hai bên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thừa số 78 tờ bản đồ 68, diện tích 5869m² đã thực hiện xong thủ tục tách thửa. Thừa số 92 diện tích 2935 m² do anh T chị T1 sử dụng, thửa 93 diện tích 2935 m² do ông Đ bà N sử dụng. Hai bên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thừa số 71 tờ bản đồ 87 diện tích 89m² ông Đ bà N đã tặng cho anh T chị T1. Thừa số 83 tờ bản đồ 88 diện tích 487m², đã được cấp Giấy chứng nhận số CQ177257 cho ông Lộc Văn Đ bà Dương Thị N ngày 17/12/2009. Sau khi ông Đ chết đã làm thủ tục sang tên cho bà N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc Thị Thùy L. Trường hợp cháu L do chị T1 nuôi dưỡng, anh T nhất trí cấp dưỡng cho cháu 2.000.000đ/tháng. Anh T đề nghị chia bằng hiện vật chiếc máy cày, anh sẽ thanh toán tiền cho chị T1 2.000.000đ. Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 11B1-01.145 hiện nay cháu Lộc Thị Hồng N1 đang sử dụng, anh đề nghị tặng cho cháu, không yêu cầu chia. Đối với yêu cầu của chị T1 về việc chia đất và nhà ở anh không đồng ý vì cho rằng đất đai do tổ tiên để lại không phải do anh chị tạo lập, mua được trong thời kỳ chung sống nên không phải là tài sản chung, không đồng ý chia. Đối với đất ở và ngôi nhà là nhà tình nghĩa của mẹ anh, anh là con trai có nghĩa vụ phụng dưỡng mẹ, anh không đồng ý chia nhà cho chị T1. Sau khi chấm dứt quan hệ hôn nhân chị T1 tự lo chỗ ở không liên quan đến anh cũng như mẹ anh nữa. Vì vậy, anh T không đồng ý với ý kiến của bà T2 về việc bà muốn được chung sống với chị T1. Anh T cho rằng các thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng, không có sự sai sót nhầm lẫn.

- Chị Thu giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Đối với quyền sử dụng đất chị yêu cầu được chia bằng hiện vật các thửa đất: thửa 90, tờ bản đồ 68 (Đon Khoang), thửa 85 tờ bản đồ 78 (Lạm Pò), thửa 89 tờ bản đồ 78 (Co Sản), thửa 105 tờ bản đồ 88 (Bó Áng bé) và thửa 74 tờ bản đồ 77 (N), trường hợp có sự chênh lệch về giá trị chị T1 không yêu cầu được thanh toán tiền chênh lệch. Đối với nhà ở đất ở, chị T1 nhất trí với ý kiến của bà T2, chị tự nguyện và cam kết chăm sóc phụng dưỡng bà T2 theo nguyện vọng của bà, đất ở tại C là đất của bà T2. Đối với chiếc xe máy Honda Wave chị nhất trí tặng cho cháu Lộc Thị Hồng N1. Đối với máy phay chị không yêu cầu chia. Đối với 03 con trâu chị không yêu cầu chia mà đề nghị để cho con. Đối với máy cày chị nhất trí nhận giá trị bằng tiền là 2.000.000đ.

- Bà Đinh Thị T2: Đối với ngôi nhà bà T2 đề nghị được chia cho bà để bà chung sống với chị T1 và hai cháu. Anh T sẽ sử dụng phần bếp. Bà yêu cầu được chia phần đất là các thửa đất thửa 88, thửa 74, thửa 58 cùng thuộc tờ bản đồ 87 (địa danh Co Lùng) và thửa 65 tờ bản đồ 68 (C).

- Bà Dương Thị N: Thửa 91, 93 tờ bản đồ 68 thuộc quyền sử dụng của tôi và thửa 90, 92 thuộc quyền sử dụng của anh T chị T1 trước khi thực hiện thủ tục tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình đã canh tác, có bờ thửa, khi tách thửa không đo đạc thực tế. Hai gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay Tòa án thẩm định mới được biết ranh giới, vị trí thực tế không đúng với Giấy chứng nhận. Bà N nhất trí sử dụng đất theo vị trí, ranh giới của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T1 chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 02 con chung, cháu Lộc Thị Hồng N1 sinh ngày 02/12/2000 (giới tính: Nữ) và Lộc Thị Thùy L – sinh ngày 01/02/2007 (giới tính: Nữ). Cháu N1 đã thành niên nên không xem xét. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc Thị Thùy L nên mong Hội đồng xét xử xem xét.

Về tài sản: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 11B1-01.145 anh T chị T1 cùng thống nhất tặng cho cháu Lộc Thị Hồng N1, anh T được chia chiếc máy cày và thanh toán giá trị cho chị T1 là 2.000.000đ đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà: Đất ruộng, rẫy cũng như đất ở do tổ tiên để lại, không phải là tài sản hai anh chị mua sắm, tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân. Chị T1 và anh T không đăng ký kết hôn, không là vợ chồng nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng trong đó có quyền về tài sản. Do đó, nguyên đơn không đồng ý yêu cầu chia quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác của chị T1. Sau Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh T và chị T1 bà T2 và chị T1 không còn quan hệ mẹ chồng-con dâu, do đó việc việc bà T2 có nguyện vọng được sống cùng chị T1 là không hợp lý, không phù hợp với phong tục tập quán. Anh T là con trai có nghĩa vụ phụng dưỡng mẹ, thờ cúng tổ tiên. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà T2.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Về mặt tình cảm: Bà Đinh Thị T1 và ông Lộc Văn T4 trên cơ sở tìm hiểu yêu đương tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương ngày 12/01/1999 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; có 02 người con chung là cháu Lộc Thị Hồng N1, sinh ngày

02/12/2000 và cháu Lộc Thị Thùy L, sinh ngày 01/02/2007. Từ khi cưới xin, bà T1 ông T chung sống hòa thuận, đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn lớn do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên chửi bới, ném đồ đạc của bà T1 ra ngoài, có khi còn đánh bà T1, hiện nay giữa ông T và bà T1 đã không có sự quan tâm, chăm sóc vợ con, cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Có thể thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà T1 và ông T đã đến mức trầm trọng, xảy ra thường xuyên, mục đích của việc chung sống không đạt được, vì vậy đề nghị HĐXX không công nhận bà Đinh Thị T1 và ông Lộc Văn T là vợ chồng.

Về nuôi con: Bà bà Đinh Thị T1 và ông Lộc Văn T có hai con chung là cháu Lộc Thị Hồng N1, sinh ngày 02/12/2000 và cháu Lộc Thị Thùy L, sinh ngày 01/02/2007; hiện nay cháu Lộc Thị Hồng N1 đã đủ 18 tuổi, không cần phải có người nuôi dưỡng; còn cháu Lộc Thị Thùy L có nguyện vọng được sống với mẹ, vì cháu thường xuyên chứng kiến cảnh bố mắng chửi mẹ và quay sang mắng chửi cả cháu. Vì vậy, đề nghị HĐXX công nhận quyền nuôi dưỡng trực tiếp cháu Lộc Thị Thùy L cho bà Đinh Thị T1, bởi cháu L còn đang tuổi ăn tuổi học lại là con gái nên rất cần có mẹ trực tiếp chăm sóc, yêu thương, dạy bảo cháu, rất cần một môi trường tốt để cháu khôn lớn trưởng thành, và phát triển tốt về mặt tâm sinh lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, bà T1 yêu cầu ông T cấp dưỡng mức 2.000.000đ/tháng, là mức phù hợp để nuôi cháu L ăn học, đề nghị HĐXX xem xét chấp thuận mức yêu cầu này.

Về vấn đề tài sản:

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Đinh Thị T1 và ông Lộc Văn T tạo lập được khối tài sản chung bao gồm:

- 01 máy cày mua năm 2003, 01 máy phay mua năm 2020 (tại phiên tòa chị T1 rút yêu cầu).
- 01 trâu mẹ và 02 trâu con (01 trâu con 02 tuổi, 01 trâu con dưới 01 tuổi)
- 13 thửa đất:

STT	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích	Địa chỉ (thuộc Bó Dường)	Giấy CNQSDĐ	Giá trị VNĐ
1	65	68	1339	Cốc Lót	AP 317234	73.645.000
2	90		2347	Đôn Khoang	CQ177260	129.085.000
3	92		2935	Chiêu Hai	CN 667469	161.425.000
4	56	70	429	Co Cườm	BQ 081128	23.595.000
5	74	77	578	Nà Ít	AP 317234	34.680.000
6	89	78	659	Co Sản	AP 317234	39.540.000
7	97		167	Cốc Mẩn	CQ 177260	10.020.000
8	85	79	733	Lặm Pò	AP 317234	27.854.000

9	58		364	Co Lùng	AP 317232	21.840.000
10	120	87	126	Thôm Nôm	AP 317232	7.560.000
11	88	87	371	Co Lùng	AP 317233	82.028.100
12	105	88	351	Bo Áng	AP 317232	14.742.000
13	74	87	127	Co Lùng	AP 317232	6.985.000

- Tài sản trên đất: 01 nhà 01 tầng trên đất, 01 nhà bếp, 01 chuồng lợn, 01 chuồng trâu.

Nay bà Đinh Thị T1 yêu cầu được chia tài sản như sau:

- Ông Lộc Văn T lấy máy cày, thanh toán tiền cho bà Đinh Thị T1 2.000.000đ.

- Trâu: đề nghị để trâu cho cháu Lộc Thị Thùy L

- Nhà và đất được chia 3 phần: 1 phần cho bà Đinh Thị T2, 1 phần cho ông Lộc Văn T và 1 phần cho bà Đinh Thị T1.

Nguồn gốc các thửa đất nói trên là do tổ tiên nhà họ L1 để lại, khi đăng ký cấp QSDĐ lần đầu đứng tên ông Lộc Văn Đ là anh trai của ông Lộc Văn T. Sau này gia đình đã họp và thống nhất chia tách các thửa đất cho hộ ông Lộc Văn Đ và hộ ông Lộc Văn T, có văn bản họp gia đình ngày 29 tháng 12 năm 2017. Bà Đinh Thị T2 là mẹ đẻ của ông Lộc Văn Đ và ông Lộc Văn T cũng xác nhận tài sản đất đã chia cho gia đình 02 con trai, nếu ông T và bà T1 ly hôn bà T2 cũng yêu cầu chia tài sản cho bà 1 phần và bà T1 1 phần.

Nay bà Đinh Thị T1 có yêu cầu được hưởng tài sản là QSDĐ đối với các thửa đất số 89, tờ bản đồ số 78 (C); thửa đất số 90, tờ bản đồ số 68 (Đ); thửa đất số 85, tờ bản đồ số 79 (Lạm Pò); thửa đất số 105, tờ bản đồ số 88 (B); thửa đất số 74, tờ bản đồ số 77 (N). Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Về ngôi nhà xây năm 2008 trên thửa đất số 88 tờ bản đồ số 87, địa chỉ: Bó D, V, T, Cao Bằng, là nhà tình nghĩa được nhà nước cho 40.000.000đ, còn lại là gia đình tự bỏ, bà T2 yêu cầu được chia cho bà, bà T1 và các cháu Lộc Thị Hồng N1 và Lộc Thị Thùy L. Đề nghị HĐXX ưu tiên chia phần ngôi nhà và QSDĐ đối với thửa đất số 88 tờ bản đồ số 87 cho bà T2 và bà T1.

Vì các lẽ trên, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, 15, 16, 81, 82, 110 Luật Hôn nhân gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị T1 và ông Lộc Văn T, bà Đinh Thị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc Thị Thùy L, ông Lộc Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L 2.000.000đ/tháng. Và chia tài sản theo yêu cầu của chị T1, bà T2 như đã trình bày ở trên.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 16, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 209, 212 Bộ luật dân sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Lộc Văn T và chị Đinh Thị T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con như sau:

Con chung tên Lộc Thị Hồng N1 – sinh ngày 02/12/2000 (giới tính: Nữ) đã thành niên, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình nên không xem xét.

iao con chung Lộc Thị Thùy L – sinh ngày 01/02/2007 (giới tính: Nữ) chị Đinh Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng cho con: Anh Lộc Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Chia tài sản chung của hộ anh Lộc Văn T, chị Đinh Thị T1 như sau:

Công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị T1 về việc tặng cho cháu Lộc Thị Hồng N1 01 Xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 11B1-01.145, giá trị 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

3.1 Anh Lộc Văn T được chia:

- 01 Máy cày trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), anh T thanh toán 1/2 giá trị cho chị T1 là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Quyền sử dụng đối với các thửa đất nông nghiệp có địa chỉ tại xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng:

TT	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích	Mục đích	GIẤY CNQSĐĐ (Số GCN, ngày cấp, Người sử dụng)	Giá trị
1	92	68	2935	HNK	CQ 667469 do UBND huyện Thạch An cấp ngày 03/10/2018 cho hộ ông Lộc Văn Tuyền, bà Đinh Thị Thu.	161.425.000
2	56	70	429	HNK	BQ 081128 do UBND huyện Thạch An cấp ngày 23/9/2009 hộ ông Lộc Văn Tuyền – Đinh Thị Thu	23.595.000

3	74	77	578	LUA	AP 317234 do UBND huyện Thạch An cấp ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyên – Đinh Thị Thu	34.680.000
4	97	78	167	LUA	CQ 177260 do UBND huyện Thạch An cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lộc Văn Tuyên, bà Đinh Thị Thu (GCN ghi là thửa 97 tờ bản đồ 88).	10.020.000
5	120		126	LUA	AP 317232 do UBND huyện Thạch An cấp ngày 23/9/2009 hộ ông Lộc Văn Tuyên – Đinh Thị Thu	7.560.000
Tổng						237.280.000

Nhà bếp xây tường gạch xi măng, nền lán vừa xi măng, mái lợp ngói, kích thước: 5,54mx6,9m, diện tích 38,2m² có giá trị 21.923.400đ (hai mươi một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm đồng);

Chuồng lợn diện tích 44,9m², giá trị 4.175.700đ (Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).

Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 317233 do UBND huyện T cấp ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn T – Đinh Thị T1. Thửa đất 88, tờ bản đồ 87, diện tích 371m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tổng giá trị tài sản ông T được chia là: 265.379.100đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn một trăm đồng).

3.2 Chị Đinh Thị T1 được chia tài sản gồm:

- Được thanh toán ½ giá trị chiếc máy cày là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).
- Quyền sử dụng đối với các thửa đất có địa chỉ tại: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng

TT	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích	Mục đích	GIẤY CNQSDĐ (Số GCN, ngày cấp, Người sử dụng)	Giá trị
1	90	68	2347	HNK	CQ 177260 do UBND huyện Thạch An cấp ngày 17/12/2019 cho hộ ông Lộc Văn Tuyên, bà Đinh Thị Thu.	129.085.000
2	89	78	695	LUA	AP 317234 do UBND huyện Thạch An ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyên – Đinh Thị Thu	41.700.000
3	85	79	733	HNK	AP 317234 do UBND huyện Thạch An ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyên – Đinh Thị Thu	27.854.000

4	105	88	351	LUA	AP 317232 do UBND huyện Thạch An ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyển – Đinh Thị Thu	14.742.000
Tổng						213.381.000

3.3 Bà Đinh Thị T2 được chia tài sản gồm: Quyền sử dụng các thửa đất có địa chỉ tại: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng

1	65	68	133 9	HNK	AP 317234 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyển – Đinh Thị Thu	73.645.00
2	88	78	371	ONT	AP 317233 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyển – Đinh Thị Thu	82.028.100
3	74	87	127	LUA	AP 317232 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyển – Đinh Thị Thu	6.985.000
4	58	364	LU A	AP 317232 ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn Tuyển – Đinh Thị Thu	21.840.000	
Tổng						184.498.100

3.4 Bà Đinh Thị T2 và chị Đinh Thị T1 được quyền sở hữu nhà ở, tài sản vật kiến trúc gắn liền với thửa đất 88, tờ bản đồ số 78 gồm:

- Ngôi nhà chính gồm 03 gian, kích thước 8,13mx9,34m diện tích 75,9m². Nhà xây gạch ba banh, móng đá học, lán vừa xi măng, cửa gỗ, trần dãi gỗ, có điện chiếu sáng, mái lợp ngói âm dương, ngói máng, có giá trị 47.756.280đ (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).

- Chuồng trâu diện tích 29,3m², giá trị 2.724.900đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn chín trăm đồng).

Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 317233 do UBND huyện T cấp ngày 23/9/2009, hộ ông Lộc Văn T – Đinh Thị T1. Thửa đất 88, tờ bản đồ 87, diện tích 371m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Các bên có trách nhiệm thực hiện thủ tục tách thửa, đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* Tổng giá trị tài sản chia: 715.739.380 (Bảy trăm mười lăm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn ba trăm tám mươi đồng).

* Giá trị tài sản các bên được chia là:

Giá trị tài sản ông T được chia là: 265.379.100đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn một trăm đồng) – tương đương 37,1% tổng giá trị tài sản đem chia.

Giá trị tài sản chị T1 được chia là: 240.621.590 (Hai trăm bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi một nghìn năm trăm chín mươi đồng) – tương đương 33,6% tổng giá trị tài sản đem chia.

Giá trị tài sản bà T2 được chia là: 209.738.690 (Hai trăm linh chín triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi đồng) – tương đương 29,3% tổng giá trị tài sản đem chia.

3.5 Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu:

- Yêu cầu chia tài sản là các thửa đất: thửa đất số 678 tờ bản đồ 61; thửa số 46 tờ bản đồ 70; thửa số 75 tờ bản đồ 77; thửa số 83 tờ bản đồ 88; thửa số 107 tờ bản đồ 88 do chị T1 rút yêu cầu.

- Yêu cầu chia tài sản là khoản tiền tiết kiệm tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện T do chị T1 rút yêu cầu.

- Yêu cầu chia tài sản là xe máy nhãn hiệu SYM Angle, Biển kiểm soát 11F8-3379 do chị T1 rút yêu cầu.

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản là 03 con trâu, 01 máy phay.

4. Nghĩa vụ chung về tài sản: Không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2024 Nguyên đơn Lộc Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đình Thị T2 có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Lộc Văn T giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày : không nhất trí chia quyền sử dụng đất tại các thửa 90 tờ bản đồ 68, thửa 89 tờ bản đồ 78, thửa 85 tờ bản đồ 79, thửa 105 tờ bản đồ 87 cho bà Đình Thị T1 theo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đình Thị T2 có ý kiến : Tôi không phải là người viết đơn kháng cáo gửi Tòa án, không có yêu cầu kháng cáo, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn Đình Thị T1 không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh Lộc Văn T, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị N giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án sơ thẩm, không có ý kiến bổ sung, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo Nguyên đơn Lộc Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đinh Thị T2 không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; Điều 212 BLDS năm 2015 (Sở hữu chung của các thành viên gia đình) Điều 208 BLDS năm 2015 (Xác lập quyền sở hữu chung); Điều 5 BLTTDS năm 2015 (quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự), Khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của anh Lộc Văn T và bà Đinh Thị T2, giữ nguyên bản án số 39/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An *Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp miễn án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của các Đương sự.*

[2.1] Nội dung kháng cáo của anh Lộc Văn T: Nguyên đơn anh T không nhất trí chia quyền sử dụng đất tại các thửa 90 tờ bản đồ 68, thửa 89 tờ bản đồ 78, thửa 85 tờ bản đồ 79, thửa 105 tờ bản đồ 87 cho bà Đinh Thị T1 theo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Qua quá trình nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm, chị T1 có yêu cầu chia 13 thửa đất là tài sản chung của Anh T-Chị T1. Căn cứ trên các GCNQSDĐ mà cơ quan chuyên môn đã cấp đổi với 13 thửa đất thì đều có tên chị Đinh Thị T1, ông Lộc Văn T. Như vậy 13 thửa đất là tài sản chung của ông Lộc Văn T và bà Đinh Thị T1. Do đó chị T1 có 1/2 quyền quản lý sử dụng đối với 13 thửa đất. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm chị T1 mong muốn chia tài sản chung cho 3 người là anh T, chị T1, bà T2. Nên Tòa án sơ thẩm chia cho chị thu quyền quản lý đối với thửa 90 tờ bản đồ 68, thửa 89 tờ

bản đồ 78, thửa 85 tờ bản đồ 79, thửa 105 tờ bản đồ 87 là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng ý chí của người có yêu cầu chia tài sản chung, đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T.

[2.2] Tại đơn kháng cáo của bà Đinh Thị T2 có nội dung: không nhất trí với bản án sơ thẩm vì bà T2 cho rằng nhà ở và đất đai đứng tên bà T2, ngôi nhà đại đoàn kết của bà T2 được nhà nước hỗ trợ xây dựng vì gia đình có công với cách mạng. Do vậy bà T2 kháng cáo, yêu cầu Tòa án phúc thẩm không chia phần đất và tài sản trên đất có ngôi nhà ở cho ai, nó là tài sản riêng bà T2.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: thửa đất 88 tờ bản đồ 78, là thửa có các công trình trên đất, thửa này anh T-chị T1 đã được đứng tên trên GCNQSDĐ ngày 23/9/2009. Như vậy có căn cứ xác định rằng thửa đất này đã được gia đình chia cho anh T-Chị T1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T2 lại có ý kiến rằng không biết nội dung kháng cáo, không phải là người làm đơn kháng cáo và gửi đến Tòa án. Bà T2 Khẳng định rằng bà hoàn toàn nhất trí với bản án sơ thẩm, sau khi xét xử sơ thẩm bà không có đơn, yêu cầu kháng cáo gửi đến Tòa án. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị T2.

Từ những phân tích và nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lộc Văn T, bà Đinh Thị T2 cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định của HĐXX, nên cần được chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Những nội dung tại bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Lộc Văn T Là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự. Hoàn trả cho anh Lộc Văn T tiền án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000953 ngày 13/7/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Lộc Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đinh Thị T2. Giữ nguyên quyết định của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2024/HNGĐ-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Nguyên đơn Lộc Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đinh Thị T2 được miễn án phí dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS huyện Thạch An;
- TAND huyện Thạch An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên